

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 29-4-2021

V/v: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hiệp;
2. Bà Nguyễn Thị Nữ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Anh Duy – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 67/2021/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2021 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Ngọc C, sinh năm 1983; địa chỉ: Số 606/4, đường H, tổ 33, khu phố 4, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có đơn xin giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Phan Trọng N, sinh năm 1983; địa chỉ: Số 22/49, khu phố 3, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có đơn xin giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18 tháng 12 năm 2020 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Huỳnh Thị Ngọc C trình bày:

Bà Huỳnh Thị Ngọc C và ông Phan Trọng N tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 130, quyển số 01/2006 ngày 01 tháng 11 năm 2006. Thời gian đầu sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng thời gian gần đây, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, không thể hàn gắn. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên bà C khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông N.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà C và ông N có 01 con chung tên

Phan Huỳnh Trúc V, sinh ngày 13 tháng 4 năm 2003. Tại đơn khởi kiện, bà C yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 5.000.000 đồng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Ngày 13 tháng 4 năm 2021, bà C rút một phần yêu cầu khởi kiện về con chung và cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai ngày 06 tháng 4 năm 2021, bị đơn ông Phan Trọng N trình bày:

Ông N thống nhất với trình bày của bà C về thời gian kết hôn, về con chung và về mâu thuẫn vợ chồng. Trước yêu cầu ly hôn của bà C, ông N đồng ý.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà C và ông N có 01 con chung tên Phan Huỳnh Trúc V, sinh ngày 13 tháng 4 năm 2003. Khi ly hôn, ông N đồng ý giao cháu V cho bà C nuôi dưỡng và ông N đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 5.000.000 đồng đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận công việc, ông N xin được vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án nhân dân thành phố T thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đại diện Viện kiểm sát không yêu cầu khắc phục gì thêm về tố tụng.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nhận thấy mâu thuẫn giữa bà C và ông N đã trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Về con chung: Tại đơn khởi kiện, bà C yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 5.000.000 đồng đến khi con chung đủ 18 tuổi; ngày 13 tháng 4 năm 2021, bà C rút một phần yêu cầu khởi kiện về con chung và cấp dưỡng nuôi con. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, qua ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn bà C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn và tranh chấp nuôi con với bị đơn ông N nên Tòa án xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông N đang cư trú tại thành phố T, tỉnh Bình Dương. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

[1.3] Nguyên đơn bà C, bị đơn ông N có đơn yêu cầu được vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án nhân dân thành phố T. Căn cứ theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà C, ông N.

[1.4] Tại đơn khởi kiện, bà C yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 5.000.000 đồng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Ngày 13 tháng 4 năm 2021, bà C rút một phần yêu cầu khởi kiện về con chung và cấp dưỡng nuôi con do cháu Phan Huỳnh Trúc V đã trưởng thành. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà C là tự nguyện, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà C về tranh chấp con chung và cấp dưỡng nuôi con.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà C và ông N tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 130, quyển số 01/2006 ngày 01 tháng 11 năm 2006. Hôn nhân của bà C và ông N là hợp pháp.

Bà C và ông N đều thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc; bà C khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông N, ông N đồng ý. Nhận thấy mâu thuẫn giữa bà C và ông N đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; do đó yêu cầu của bà C về việc được ly hôn với ông N là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Bà C và ông N có 01 con chung tên Phan Huỳnh Trúc V, sinh ngày 13 tháng 4 năm 2003. Hiện nay cháu V đã trưởng thành, đồng thời bà C đã rút yêu cầu khởi kiện về tranh chấp con chung và cấp dưỡng nuôi con với ông N nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà C và ông N không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[3] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm là có căn cứ.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà C phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 203, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 244 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 19, 51, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Ngọc C đối với bị đơn ông Phan Trọng N về việc tranh chấp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Ngọc C đối với bị đơn ông Phan Trọng N về việc ly hôn.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Ngọc C được ly hôn với ông Phan Trọng N.

Giấy chứng nhận kết hôn số 130, quyển số 01/2006 ngày 01 tháng 11 năm 2006 do Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương cấp cho bà Huỳnh Thị Ngọc C và ông Phan Trọng N không còn giá trị pháp lý.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt vấn đề giải quyết.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị Ngọc C phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền số AA/2016/0051116 ngày 19 tháng 01 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương.

4. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố T;
- Chi cục THADS thành phố T;
- Ủy ban nhân dân phường T;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thúy Hằng